

Tín ngưỡng của cư dân ven biển Nam Trung bộ

Bùi Đức Mậu^(*)

Tóm tắt: Văn hóa biển vùng duyên hải Nam Trung bộ rất phong phú, đa dạng và đã được các nhà nghiên cứu đề cập đến ở nhiều khía cạnh khác nhau, đặc biệt là tín ngưỡng của cư dân ven biển. Bài viết tập trung làm rõ tục thờ cá Ông, tục thờ nữ thần Thiên Y A Na và tục thờ cúng âm hồn - ba tín ngưỡng tiêu biểu của cư dân ven biển Nam Trung bộ - ở các khía cạnh như nguồn gốc, đặc trưng và giá trị. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất một số giải pháp nhằm bảo tồn và phát huy giá trị tín ngưỡng của cư dân ven biển Nam Trung bộ trong bối cảnh hiện nay

Từ khóa: Tín ngưỡng, Tục thờ cá Ông, Tục thờ nữ thần Thiên Y A Na, Tục thờ cúng âm hồn, Duyên hải Nam Trung bộ

Abstract: The diversity of marine culture, notably the beliefs of local residents in the South Central Coast has been approached from various academic angles. The paper focuses on three main beliefs in Cá Ông (Whale), Lady Po Nagar and spirits in terms of its origin, characteristics and values. Thereby, it proposes solutions for preserving and promoting the native religious values in current context.

Keywords: Beliefs, Whale Worship, Lady Po Nagar Worship, Spirit Worship, South Central Coast

Đặt vấn đề

Vùng duyên hải Nam Trung bộ gồm 8 tỉnh/thành: Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận. Đây là những tỉnh/thành ven biển, gắn liền với những nét đặc trưng văn hóa biển phong phú và đa dạng, được các nhà nghiên cứu đề cập đến ở nhiều khía cạnh khác nhau, trong đó có tín ngưỡng dân gian. Trong số các tín ngưỡng của cư dân ven biển nơi đây, nổi bật lên là tục thờ cá Ông, tục thờ nữ thần Thiên Y A Na, tục thờ cúng âm hồn - những

tín ngưỡng gắn bó mật thiết với đời sống hằng ngày của người dân.

Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi không bàn sâu về việc thực hành các nghi lễ trong tín ngưỡng, mà chủ yếu đề cập đến nguồn gốc, đặc trưng và giá trị của các tín ngưỡng này đối với đời sống của cư dân ven biển nơi đây trên cơ sở tổng quan tài liệu, từ đó đưa ra một số đề xuất nhằm bảo tồn và phát huy giá trị của các tín ngưỡng này trong bối cảnh hiện nay.

1. Tục thờ cá Ông

Cá Ông thực chất là cá voi - một loại sinh vật biển. Dân gian thường gọi cá Ông bằng nhiều tên khác nhau như: Ông Nam Hải, Ông Chuông, Ông Khôi, Ông Lớn, Ông Cậu... Cá Ông là một loài vật thiêng được

^(*) ThS., Viện Thông tin Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam;
Email: ducmau.ht@gmail.com

ngư dân khắp các làng chài ven biển Nam Trung bộ thờ cúng (Lê Thế Vĩnh, 2015: 46).

Nghiên cứu các tài liệu về dân tộc học ở Việt Nam cho thấy, tục thờ cá Ông phổ biến trong người Việt và người Chăm từ vùng biển Thanh Hóa trở vào phía Nam. Tại vùng biển thuộc vịnh Bắc bộ, có thể xưa kia cũng tồn tại tục này, nhưng ngày nay đã bị các lớp văn hóa, tín ngưỡng phía Bắc phủ lên nên tục này chỉ còn rất mờ nhạt ở đôi nơi hoặc không còn tồn tại nữa (Nguyễn Duy Thiệu, 2011: 61).

Nguồn gốc của tục thờ cúng cá Ông được các nhà nghiên cứu lý giải với nhiều quan điểm khác nhau như: Cá Ông là hóa thân của thần Po Riyak của người Chăm, hay cá Ông là một miếng vải của chiếc áo cà sa của Quán Thế Âm Bồ Tát. Hay theo lý giải của người dân, tín ngưỡng này xuất phát từ câu chuyện chàng sĩ tử bị thầy chém đầu, sau hóa thành cá Ông... (Huỳnh Thiệu Phong, 2016). Có ý kiến cho rằng, tục thờ cá Ông hiện nay là một trong những biểu hiện của quá trình tiếp biến văn hóa Việt - Chăm. Nếu tìm về nguồn cội của tục thờ này, chúng ta thấy rằng, ngay từ đầu, người Chăm đã xem cá Ông như Hải Vương. Chính qua quá trình tiếp xúc với họ mà người Việt mới bắt đầu chú ý đến động vật có vú lớn này (Nguyễn Phước Bảo Đàn, 2019: 179).

Tục thờ cá Ông có vai trò, giá trị lớn trong đời sống tinh thần của ngư dân nơi đây. Trong tâm thức của ngư dân chài lưới, với những người thường lênh đênh trên biển khơi, những khi sóng to, gió lớn, đắm thuyền, mất lưới, mạng sống con người bị đe dọa, hình ảnh cá Ông độ mạng trở thành chỗ dựa tinh thần quý giá, là nơi gửi gắm niềm tin. Niềm tin này, ban đầu là một nhu cầu giúp người ta chịu đựng gian khó, hiểm nguy trong cuộc mưu sinh, dần dần dấu vết của niềm tin hằn sâu vào tiềm thức, trở

thành tín ngưỡng dân gian (Nguyễn Thanh Lợi, 2007: 61). Tuy nhiên, người ta tin rằng cá Ông không cứu hết tất cả mọi người mà chỉ cứu những người có duyên với Ông, đó chính là những người ăn ở hiền lành, nhân đức. Bởi vậy, vẫn có trường hợp ngư dân bị đắm thuyền đã hết lời cầu xin, khẩn vái nhưng không được cá Ông - thần Nam Hải cứu giúp. Như vậy, trên cơ sở đặt niềm tin tuyệt đối vào tính thiện của cá Ông, ngư dân vẫn có những lý giải về một số trường hợp lời cầu nguyện chưa được đáp ứng, về việc cá Ông chưa được thiêng hóa như tâm niệm và lòng tin của ngư dân (Lê Thế Vĩnh, 2015: 46).

Không chỉ trông chờ, phụ thuộc vào cá Ông, ngư dân còn chủ động giúp đỡ khi cá Ông mắc cạn. Đó là mối quan hệ hai chiều về sự gắn bó giữa con người với tự nhiên. Nó phản ánh một triết lý sống, một quan niệm sống, thể hiện được tính dung hợp, hài hòa của văn hóa truyền thống người Việt (Nguyễn Duy Đoài, 2017: 51).

Ở ven biển miền Trung, cá Ông luôn được tôn kính nên đám tang cá Ông cũng được tổ chức rất long trọng. Vì là sinh vật linh thiêng, là vị phúc thần, là hiện thân của Phật Bà Quan Âm nên hễ thấy xác cá Ông lụy (chết) ở đâu thì ngư dân đều rước vào bờ để làm lễ mai táng theo những nghi lễ bài bản. Người nhìn thấy xác cá Ông đầu tiên được xem là người lo đám tang Ông với tư cách là tang chủ. Tang chủ có nhiệm vụ báo cho vị trưởng vạn của mình biết sự việc để trưởng vạn huy động ngư dân sở tại đến chỗ Ông lụy mà đưa xác Ông về mai táng ở lăng. Nếu xác cá Ông ở ngoài khơi thì vạn chài sẽ cử một đoàn thuyền ra tận nơi diu Ông về bờ. Cùng lúc ấy, vạn chài cũng phải cử một số người lo chuyện dựng rạp trên bờ để tổ chức đám tang. Tạm táng xong, người dân phải rước hồn Ông về lăng để thờ phụng, hương khói trong lúc đợi ngày đưa

xương cốt về (Lê Văn Kỳ, 2015: 230-231). Giá trị của việc làm này chính là nêu cao truyền thống đạo lý “uống nước nhớ nguồn” tốt đẹp của dân tộc và cũng là một cách để giáo dục người dân biết tri ân những ai đã giúp đỡ, che chở cho mình. Bên cạnh đó, cá voi có thể đứng trước nguy cơ tuyệt chủng khi mà vấn nạn săn bắt trái phép loài cá này vẫn đang diễn ra tại nhiều nơi trên thế giới, gây mất cân bằng sinh thái... Vì vậy, việc người dân thực hành tục thờ cá Ông chính là một cách tuyên truyền, giáo dục hữu ích đối với việc bảo vệ các động vật quý hiếm và môi trường thiên nhiên...

Hầu hết các làng ven biển Nam Trung bộ đều có lăng và miếu thờ cá Ông. Ngoài lăng Ông, còn có lăng Cô (thờ cá voi cái) như lăng Cô ở thôn Từ Thiện (Ninh Thuận), lăng Cô ở phường Cam Linh (Khánh Hòa) và một số địa phương khác ở tỉnh Ninh Thuận như Ninh Chữ, Sơn Hải, Cà Ná. Các lăng Ông ở vùng này có niên đại khá sớm như: lăng Thủy Tú (Khánh Hòa) được xây dựng năm 1762; lăng An Thạnh (Bình Thuận) được xây dựng năm 1781; lăng Ông Bình Thái (Tuy Phước) được xây dựng năm 1875 - là lăng Ông có lịch sử lâu đời ở Bình Định (Hà Đình Thành, 2016: 100). Bên cạnh những giá trị kiến trúc, các đền/lăng này còn lưu giữ nhiều di sản văn hóa biển quý giá như hàng ngàn bộ xương cá Ông to, nhỏ các loại thuộc nhiều niên đại, giai đoạn khác nhau. Ngoài ý nghĩa về mặt tâm linh, đây còn là những bộ hiện vật gốc có giá trị cho các bảo tàng sinh học, bảo tàng đại dương. Hệ thống các bản sắc phong do các vua triều Nguyễn phong tặng các vị thần Nam Hải đại vương và đồ thờ trong các đền/lăng Ông là những bộ sưu tập hiện vật văn hóa biển vô giá (Nguyễn Duy Thiệu, 2011: 66).

Nhắc đến tục thờ cá Ông không thể không đề cập đến lễ hội nghinh Ông - một lễ hội quan trọng của tín ngưỡng này và có

giá trị lớn trong đời sống tinh thần của ngư dân nơi đây. Lễ hội, theo các nhà nghiên cứu, là phần “nổi” của dòng tâm thức tín ngưỡng, là mặt biểu hiện của sinh hoạt cộng đồng, thể hiện biểu trưng văn hóa cộng đồng (Hà Đình Thành, 2016: 191). Cũng giống như các lễ hội khác trên khắp Việt Nam, lễ hội nghinh Ông bao gồm cả phần lễ và phần hội. Phần lễ gồm có lễ rước kiệu của Nam Hải tướng quân xuống thuyền rồng, ra biển và lễ tế. Đây là phần lễ mang đậm tính chất vùng biển, thể hiện sự tôn nghiêm, kính trọng đối với cá Ông. Phần hội với nhiều hoạt động vui chơi, giải trí, thưởng thức ẩm thực biển... mang đến luồng sinh khí vui tươi, tinh thần lạc quan cho người dân ven biển Nam Trung bộ nói riêng và du khách thập phương nói chung. Hơn nữa, lễ hội nghinh Ông còn giúp người dân quên đi những khó khăn, vất vả trong cuộc sống, góp phần tái tạo năng lượng cho những ngày lao động mới. Trong lễ hội nghinh Ông ở vùng duyên hải Nam Trung bộ thường có lồng ghép các loại hình văn hóa dân gian khác như: hát bài chòi, hát bả trạo và các môn thể thao biển truyền thống như đua thuyền, thi đan lưới, kéo co,... Do đó, không gian lễ hội là một môi trường tốt để giới thiệu, quảng bá, gìn giữ các loại hình nghệ thuật truyền thống này.

Như vậy, có thể thấy, sự kính trọng của cư dân ven biển Nam Trung bộ đối với cá Ông thể hiện đậm nét qua việc tổ chức tang lễ cho cá Ông, lễ hội nghinh Ông hay các lăng miếu thờ cá Ông ở khắp các vùng ven biển. Tục thờ cá Ông cũng chứa đựng nhiều giá trị quan trọng trong đời sống của cư dân nơi đây, góp phần giáo dục đạo đức cho người dân (giáo dục sự tôn kính đối với cá Ông - thể hiện truyền thống uống nước nhớ nguồn), góp phần bảo vệ môi trường sinh thái (qua việc kiêng kỵ đánh bắt cá voi), có giá trị cổ kết cộng đồng (qua lễ hội Nghinh Ông). Lễ

hội Nghinh Ông cũng là môi trường để các loại hình nghệ thuật, trò chơi dân gian truyền thống được bảo tồn và gìn giữ.

2. Tục thờ nữ thần Thiên Y A Na

Thiên Y A Na có nguồn gốc từ nữ thần xứ sở Pô Inur Nagar của người Chăm. Hình tượng Pô Inur Nagar bắt nguồn từ Devi - biểu tượng âm tính cho sức mạnh sáng tạo và hủy diệt của vũ trụ, một trong những nữ thần tối thượng trong thần điện Hindu giáo. Tuy nhiên, khi du nhập và tồn tại trong cộng đồng của người Chăm, chịu ảnh hưởng ngược lại của các tín ngưỡng bản địa nên nữ thần Devi đã trở thành Pô Inur Nagar, nữ thần xứ sở của người Chăm - nhân vật huyền thoại mang yếu tố của một anh hùng văn hóa. Trước thế kỷ XVI, nữ thần Pô Inur Nagar được thờ phụng ở thánh địa Pô Nagar Nha Trang (Khánh Hòa). Vì nhiều nguyên nhân, đến giữa thế kỷ XVI, người Chăm đã chuyển nữ thần Pô Inur Nagar về thờ ở đền Pô Inur Nagar tại thôn Hữu Đức (Ninh Thuận), còn nữ thần được thờ ở thánh địa Pô Nagar trở thành thánh mẫu Thiên Y A Na (Nguyễn Thị Thanh Vân, 2015).

Từ một vị nữ thần Chăm, vị nữ thần này đã được Việt hóa nhưng trong đó căn tính Chăm vẫn còn rất rõ nét. Đó là biểu hiện sự tương đồng trong văn hóa Chăm và Việt ở “nguyên lý thờ mẹ” (Nguyễn Công Bằng, 2005: 188). Từ lâu, tục thờ nữ thần Thiên Y A Na đã trở thành một tín ngưỡng quen thuộc và đóng vai trò quan trọng trong đời sống của cư dân ven biển Nam Trung bộ. Trong quá trình tiếp biến văn hóa Việt - Chăm, người Việt đã đón nhận, thờ cúng bà và coi bà như một trong những vị phúc thần, luôn che chở, giúp đỡ họ trước những khó khăn trong cuộc sống.

Khác với cá Ông - vị thần chủ yếu được cư dân ven biển thờ, Thiên Y A Na ngoài được thờ ở vùng ven biển như nữ thần phù hộ cho nghề cá và sự bình an của

ngư dân trước biển cả thì còn được thờ cả ở khu vực nông thôn với tư cách là vị thần dạy dân cách trồng trọt và phù hộ cho mùa màng tốt tươi. Ở những nơi làm các nghề liên quan đến lâm nghiệp thì thần Thiên Y A Na lại trở thành chúa trầm hương, chúa rừng... Ở vùng duyên hải miền Trung, đặc biệt từ Huế vào đến Ninh Thuận, hầu khắp các tỉnh/thành từ nông thôn, miền núi đến miền biển đều có di tích đền thờ, miếu thờ thần Thiên Y A Na. Nữ thần Thiên Y A Na thường được phối thờ trong các đình làng, chùa, miếu ngũ hành, đặc biệt là ở vùng biển Nam Trung bộ, vị nữ thần này còn được phối thờ tại các lăng cá Ông. Thiên Y A Na được thờ phụng khá phổ biến và ngày càng có xu hướng phát triển nhiều trong các điện thờ tư gia (Nguyễn Văn Bốn, 2016: 21). Đặc biệt, từ thế kỷ XIX, triều Nguyễn đã dành cho thần Thiên Y A Na một sự sùng bái đặc biệt. Để tỏ lòng biết ơn đối với vị thánh mẫu này, ngay sau khi lên ngôi, Vua Gia Long đã sắc phong nữ thần tên gọi chính thức là Thiên Y A Na Điện Phi Chúa Ngọc, tước Hồng nhân Phổ tế linh ứng thượng đẳng thần (Nguyễn Thế Anh, 2005: 33).

Nghi thức thờ thần Thiên Y A Na ở Nam Trung bộ hết sức trang trọng, đặc biệt là ở những nơi bà là thần chủ. Thời nhà Nguyễn, hằng năm đích thân quan đầu tỉnh phải làm chủ tế trong lễ thờ thần Thiên Y A Na (lễ vía Bà) ở Am Chúa và Tháp Bà (Nha Trang). Ở Huế, triều đình nhà Nguyễn công nhận và sắc phong vị thần núi Ngọc Trản (Thiên Y A Na) là thượng đẳng thần, đến đời Vua Đồng Khánh đã cho xây dựng và mở rộng Ngọc Trản Sơn thành điện Huệ Nam (Hòn Chén) nguy nga, lộng lẫy, đồng thời ra lệnh “mỗi năm hai lần vào mùa xuân, mùa thu làm lễ cúng, có đại diện triều đình chủ lễ để nhớ ơn nữ thần” (Nguyễn Đình Hòe, 1997: 345).

Nếu trong tục thờ cá Ông có lễ hội nghinh Ông thì trong tục thờ nữ thần Thiên Y A Na của cư dân ven biển Nam Trung bộ có lễ hội vía Bà rất nổi tiếng. Ở mỗi địa phương, lễ hội vía Bà có những nét khác nhau, nhưng nhìn chung thường gồm ba lễ chính là lễ tế âm linh, lễ cáo và lễ chánh. Cứ ba năm có một lần lễ đại “ngày vía Bà” (lễ phong), trong dịp lễ này dân làng mổ heo, mổ bò làm vật phẩm dâng cúng và mời các gánh tuồng đến biểu diễn. Còn lễ nhỏ trong từng năm gọi là lễ sái (người dân nơi đây quen gọi là “trầm trà”), lễ này chỉ có hương đăng, hoa quả, xôi gà, trà rượu. Dù là lễ phong hay lễ sái thì đều phải thực hiện một nghi lễ có tính quy phạm - lễ dâng mâm (Lê Văn Kỳ, 2015: 271).

Cũng tương tự như lễ hội nghinh Ông trong tục thờ cá Ông, lễ vía Bà cũng là không gian trình diễn, bảo tồn các loại hình nghệ thuật dân gian như: hát bả trạo, hát bài tròi, múa võ, các trò chơi dân gian, “múa bóng”. Múa bóng là loại hình nghệ thuật dân gian tiêu biểu nhất trong lễ hội vía Bà của người Việt và người Chăm ở vùng duyên hải Nam Trung bộ. Đặc biệt, những năm gần đây, tín ngưỡng này còn tích hợp thêm nghi thức hầu đồng và hát văn (Nguyễn Văn Bốn, 2016: 22). Ngoài ra, lễ hội còn góp phần kết nối cộng đồng giữa người Việt, người Chăm và các tộc người khác ở các địa phương nơi đây.

Bên cạnh những nét đặc trưng văn hóa thể hiện qua các nghi lễ thờ cúng, tục thờ nữ thần Thiên Y A Na còn chứa đựng những giá trị tinh thần quan trọng đối với cư dân ven biển Nam Trung bộ: Nữ thần Thiên Y A Na là điểm tựa tinh thần của người dân ven biển Nam Trung bộ với vai trò là một vị phúc thần. Lễ hội vía Bà góp phần cổ kết các cộng đồng, đồng thời cũng là môi trường bảo tồn, phát huy các loại hình nghệ

thuật truyền thống. Đặc biệt, hệ thống di tích thờ tự nữ thần Thiên Y A Na lâu đời ở khắp vùng duyên hải Nam Trung bộ là những di sản văn hóa vật thể quý giá cũng cần được gìn giữ, bảo tồn.

3. Tục thờ cúng âm hồn

Âm hồn là hồn của người chết nơi cõi âm theo tưởng tượng, có thể quanh quẩn bên người thân còn sống. Ở vùng ven biển, âm hồn cũng có thể là linh hồn của người chết từ nơi khác trôi dạt về, không rõ danh tính, được người dân trong làng mai táng. Âm hồn còn là “cộng đồng vong hồn gồm đủ loại từ vua quan đến thứ dân, từ giàu sang đến nghèo hèn, từ con người đến côn trùng, thú vật” (Huỳnh Ngọc Trảng, Trương Ngọc Tường, 1999: 138).

Đối với cư dân ven biển Nam Trung bộ, âm hồn hay còn gọi là âm linh là những vong hồn, vong linh bất hạnh, không nơi nương tựa, không ai thờ cúng, phiêu dạt, bơ vơ dưới cõi âm (Lê Văn Kỳ, 2015: 279). Đó có thể là những người dân làng chết mất xác trên biển khi ra khơi, hay những người chết trên biển trôi dạt đến, hay những người chết trong trận mạc mà không rõ danh tính. Cư dân ven biển nơi đây coi tất cả những người có số phận không may mắn này là những âm hồn, và họ tổ chức thờ cúng để bày tỏ lòng thương xót, chia sẻ, cảm thông với những người đã mất. Ngoài ra, theo quan niệm “có thờ có thiêng, có kiêng có lành”, người dân ven biển coi những âm hồn chết trên biển rất linh thiêng, nếu thờ cúng chu đáo thì sẽ được họ phù hộ cho yên ổn, đánh bắt thuận lợi, còn nếu không thì sẽ bị các âm hồn quở trách.

Bên cạnh việc xây dựng đình làng, miếu thờ Thành Hoàng làng, thờ mẫu, thờ các thiên thần hay thờ các nhân thần, người dân còn xây dựng các nghĩa trũng, nghĩa tự, miếu thờ âm hồn. Nghĩa trũng thực chất là một ngôi mộ chung cho những người chết

vì làm việc nghĩa. Tất cả những ngôi mộ của chiến sĩ vô danh - những người vốn có công với đất nước, nhưng chết không xác định được danh tính đều được quy tập trung vào nghĩa trũng. Nhưng có những nghĩa trũng không chỉ có hài cốt của những người có công, những chiến sĩ vô danh mà còn có cả xương cốt của những người vô danh khác. Nghĩa trũng thường do làng xóm quản lý và đứng ra cúng tế một cách tự phát. Tuy nhiên, cũng có những nghĩa trũng do chính quyền địa phương trực tiếp chăm lo việc quy tập hài cốt, trực tiếp tế lễ. Còn nghĩa tự là nơi thờ việc nghĩa, thường được đặt gần nghĩa trũng. Nghĩa tự là một thiết chế tín ngưỡng của cộng đồng, là nơi dùng để tế lễ các âm hồn, cô hồn không có ai thờ cúng, bao gồm cả các chiến sĩ chết trận vô danh (Phạm Tấn Thiên, 2015: 36). Khi nói tới các lăng miếu, nghĩa tự, nghĩa trũng ở vùng duyên hải Nam Trung bộ, không thể không đề cập đến Âm linh tự làng An Vĩnh (thôn Tây, xã An Vĩnh, đảo Lý Sơn). Đây là nơi không chỉ để cúng tế các âm linh - cô hồn nói chung, mà đặc biệt còn thờ những người lính đã hi sinh vì Hoàng Sa (Đỗ Thị Minh Thúy, Nguyễn Thành Nam, Vũ Văn Đạt, 2015: 127). Ngoài ra còn phải kể đến những ngôi mộ gió lính đội Hoàng Sa - dấu tích tâm linh của những người đi giữ biển vẫn được người dân trên đảo Lý Sơn hương khói. Đây là các di tích tiêu biểu có giá trị lớn trong việc giáo dục sâu rộng truyền thống yêu nước, uống nước nhớ nguồn cho người dân, góp phần nâng cao ý thức bảo vệ chủ quyền lãnh thổ của dân tộc.

Hàng năm vào dịp Tết Nguyên tiêu hoặc phổ biến hơn cả là dịp Thanh minh, hay ngày Rằm tháng Bảy âm lịch, cư dân ven biển Nam Trung bộ thường tổ chức lễ tế âm hồn. Tuy các địa phương thực hành lễ tế âm hồn có đôi nét khác nhau, nhưng

nhìn chung lễ tế âm hồn ở vùng này thường tiến hành các nghi lễ như: Lễ giã mã (dọn dẹp mã); Lễ tế cùng với vật được hiến tế (Nguyễn Đăng Vũ, 2007: 50).

Lễ tế âm hồn với sự tham gia, phối hợp của tất cả dân làng (cả dân chính cư và dân ngụ cư) trong các bước thực hành nghi lễ đã giúp gắn kết cộng đồng cư dân lại với nhau. Hơn thế nữa, lễ tế âm hồn còn là biểu hiện của tinh thần nhân văn, lòng nhân ái, yêu thương đồng loại, đồng bào. Lễ tế âm hồn cũng thể hiện lòng biết ơn của người dân đối với những người đã hi sinh vì Tổ quốc, những người đã có công khai phá xóm làng, đồng thời giáo dục các thế hệ phải luôn nhớ ơn tổ tiên và những người đi trước.

Khác với tục thờ cá Ông và tục thờ nữ thần Thiên Y A Na, ở tục thờ cúng âm hồn của cư dân ven biển Nam Trung bộ, sau khi kết thúc phần lễ, thường không có phần hội mà người dân chỉ chia sẻ với nhau mâm cỗ và lễ vật đã được cúng tế. Tuy vậy, tục thờ cúng âm hồn vẫn là một nét đẹp trong đời sống tinh thần của người dân nơi đây, thể hiện đậm nét tính nhân văn, lòng nhân ái của con người, góp phần cổ kết cộng đồng.

4. Bàn luận và kết luận

Để nâng cao tính hiệu quả của việc sử dụng biển với tư cách là một không gian sinh tồn, cư dân ven biển đã sử dụng biển như một không gian văn hóa, ở đó, sự cô kết nội tại và liên minh với thần linh đã tạo thành một sức mạnh khối trong sự nương theo, thỏa hiệp, chống chọi, đối đầu với sức mạnh thiên nhiên hoang dã của biển khơi (Trần Thị An, 2015: 8).

Tín ngưỡng dân gian vùng duyên hải Nam Trung bộ là biểu hiện sinh động của đời sống văn hóa gắn liền với biển của cư dân nơi đây. Các tín ngưỡng như tục thờ cá Ông, tục thờ nữ thần Thiên Y A Na, tục thờ cúng âm hồn... ngoài việc phục vụ, đáp

ứng nhu cầu tâm linh của người dân còn mang những giá trị văn hóa, giá trị nhân văn sâu sắc, góp phần làm phong phú đời sống văn hóa tinh thần của người dân, gắn kết cộng đồng.

Để bảo tồn và phát huy giá trị của các tín ngưỡng dân gian này trong đời sống của cư dân ven biển Nam Trung bộ, trước hết chính quyền, các tổ chức chính trị xã hội và những người làm công tác quản lý văn hóa ở các địa phương có các loại hình tín ngưỡng này cần chủ động tìm hiểu sâu về tín ngưỡng để có thể quản lý, hỗ trợ, hướng dẫn người dân trong việc thực hành các tín ngưỡng này. Các lễ hội nghinh Ông, lễ vía Bà... ngoài phần nghi lễ còn có phần hội với nhiều loại hình nghệ thuật dân gian. Đây là những giá trị cần gìn giữ, phát huy để vừa gìn giữ tín ngưỡng, vừa bảo tồn các loại hình nghệ thuật truyền thống.

Dọc bờ biển Nam Trung bộ có rất nhiều di sản văn hóa liên quan đến các tín ngưỡng này như đền thờ cá Ông, các bộ xương được lưu giữ tại lăng cá Ông hay các bảo tàng, các bản sắc phong do vua triều Nguyễn phong tặng các vị thần Nam Hải đại vương; các di tích đền thờ, miếu thờ Thiên Y A Na; các nghĩa trũng, nghĩa tự (nơi chôn cất và thờ cúng các âm hồn). Đây là những di sản văn hóa biển hết sức quý giá về mặt lịch sử và khoa học. Do đó, bên cạnh việc quan tâm đầu tư bảo tồn, trùng tu trước sự bào mòn của thời gian, cần tăng cường nghiên cứu từ góc độ khoa học đối với các di sản quý giá này.

Bảo tồn giá trị của các loại hình tín ngưỡng trên không chỉ là “phục cổ”, bảo tồn một cách nguyên vẹn mà còn có thể phát huy giá trị này bằng việc đưa ra những ý tưởng mới như khuyến khích sáng tác thơ văn, âm nhạc về đề tài cá Ông, nữ thần Thiên Y A Na hay những bài văn tế ý nghĩa cho lễ cúng âm

hồn. Ngoài ra, có thể cần có một “bảo tàng văn hóa biển” được xây dựng tại vùng duyên hải Nam Trung bộ - nơi có nền văn hóa biển phong phú và đa dạng - để bảo tồn di sản văn hóa biển nơi đây, trong đó có các tín ngưỡng dân gian □

Tài liệu tham khảo

1. Trần Thị An (2015), “Thích ứng với biển của người Việt - nhìn từ khía cạnh sinh kế và tín ngưỡng thờ thần biển của cư dân ven biển (Khảo sát từ một số cộng đồng ngư dân ven biển Bắc Trung bộ, Việt Nam)”, Tạp chí *Văn học dân gian*, số 6.
2. Nguyễn Thế Anh (2005), “Thiên Y A Na hay sự tiếp nhận nữ thần Po Nagar của các triều đại Nho giáo Việt Nam”, Tạp chí *Xưa và nay*, số 233 (tháng 4).
3. Nguyễn Công Bằng (2005), *Tháp Bà Nha Trang*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
4. Nguyễn Văn Bốn (2016), “Tín ngưỡng thờ Thiên Y A Na ở Khánh Hòa”, Tạp chí *Văn hóa Nghệ thuật*, số 380 (tháng 2).
5. Nguyễn Phước Bảo Đàn (2019), “Các lễ hội liên quan đến ngư nghiệp ở tỉnh Quảng Nam: Thực trạng và giải pháp bảo tồn, phát huy giá trị”, trong: Viện Nghiên cứu Văn hóa (2019), *Văn hóa biển miền Trung trong xã hội đương đại*, Nxb. Thế giới, Hà Nội.
6. Nguyễn Duy Đoài (2017), “Tín ngưỡng cá Ông của cư dân huyện đảo Lý Sơn, Quảng Ngãi”, Tạp chí *Phát triển Khoa học và công nghệ*, Chuyên san Khoa học xã hội và nhân văn, tập 1, số 4.
7. Nguyễn Đình Hòe (1997), “Huệ Nam điện”, trong: *Những người bạn Cổ đô Huế*, tập II, Nxb. Thuận Hóa, Huế.

(xem tiếp trang 59)